



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI  
CÔNG TY DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 100 Trần Phú, phường Hà Đông, Thành Phố Hà Nội

*Số công trình: P24-25/ESC*

**THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

**CÔNG TRÌNH: HẠ ĐIỆN ÁP ĐƯỜNG DÂY TRUNG THỂ 375E1.32**

**CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ**

CÔNG TRÌNH: HẠ ĐIỆN ÁP ĐƯỜNG DÂY TRUNG THỂ 375E1.32  
MỤC LỤC PHÁP LÝ

STT	NỘI DUNG VĂN BẢN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư đợt 1 năm 2026 cho Công ty Điện lực Thường Tín	Tổng công ty ĐL Hà Nội	Quyết định số 9830/QĐ-EVNHANOI ngày 14/11/2024
2	Về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 cho Công ty Điện lực Thường Tín	Tổng công ty ĐL Hà Nội	Quyết định số 11014/QĐ-EVNHANOI ngày 12/12/2024
3	Về việc cập nhật thông tin công trình điện trung áp xây dựng mới và cải tạo vào Quy hoạch phát triển điện lực	Sở Công Thương	Văn bản số 6273/SCT-QLNL ngày 18/12/2024
4	Về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế công trình “Hạ điện áp đường dây trung thể 375E1.32”	Công ty điện lực Thường Tín	Quyết định số 1805/QĐ-EVNHANOI ngày 01/04/2025
5	Về việc hướng tuyến xây dựng công trình điện của Công ty Điện lực Thường Tín năm 2026	UBND Huyện Thường Tín	Văn bản số 988/UBND-KTHT&ĐT ngày 27/06/2025
6	Về việc phê duyệt Dự án “Hạ điện áp đường dây trung thể 375E1.32” giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Công ty điện lực Thường Tín	Quyết định số 3055/QĐ-PCTHUONGTIN ngày 15/10/2025
7	Về việc thỏa thuận hướng tuyến xây dựng công trình điện đợt 1 năm 2026 trong hành lang bảo vệ công trình thủy lợi	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ	Văn bản số 2102/CTSN-KHKT ngày 24/10/2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư đợt 1 năm 2026**  
**cho Công ty Điện lực Thường Tín**

**TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI**

*Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-EVN ngày 14/10/2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-HĐTV ngày 26/11/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng trong Tập Đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;*

*Theo Tờ trình số 8353/TTr-EVNHANOI ngày 30/9/2024 về việc đề xuất thông qua chủ trương danh mục chuẩn bị đầu tư các công trình đầu tư phát triển đợt 1 năm 2026;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 185/NQ-HĐTV ngày 16/10/2024 về việc thông qua chủ trương giao danh mục chuẩn bị đầu tư các công trình đầu tư phát triển đợt 1 năm 2026;*

*Theo đề nghị của ông Trưởng Ban Kế hoạch Tổng công ty,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao danh mục chuẩn bị đầu tư đợt 1 năm 2026 cho **CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN:**

*(chi tiết như phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ nhiệm vụ được giao, Giám đốc Công ty Điện lực Thường Tín chỉ đạo các bộ phận trực thuộc triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và giải quyết kịp thời các phần việc liên quan; đôn đốc các Nhà thầu tư vấn, đảm bảo tiến độ, chất lượng các hồ sơ BCKTKT/BCNCKT của công trình được giao

theo đúng phân cấp của Tổng công ty và phù hợp với các quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Các dự án sau khi hoàn thành phê duyệt BCKTKT/BCNCKT, đơn vị trình hồ sơ để Tổng công ty xem xét giao chuyển bước thực hiện đầu tư (Tổng công ty sẽ có các phương án giao đơn vị thực hiện thí nghiệm, xây lắp tại các Công văn chuyển bước thực hiện đầu tư của dự án).

**Điều 4.** Các Ông (Bà) Trưởng các ban chức năng liên quan của Tổng công ty có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc đơn vị triển khai hoàn thành kế hoạch được giao./.

***Nơi nhận:***

- HĐTV (để báo cáo);
- BTGD;
- PCTHUONGTIN; EVNHANOIPMB;  
EVNHANOIESC (01 bản, để t/hiện);
- KT, TCKT, VTU, QLĐT, QLĐT (để p/hợp);
- KH (01 bản);
- Lưu: VT, KH.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Anh Tuấn**



Phụ Lục I

GIAO DANH MỤC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết Định số /QĐ-EVN/HA NOI ngày tháng năm 2024)

- Lưu ý:
- Đơn vị gửi lại đăng ký tiến độ công trình (theo phụ lục II đính kèm theo) về Tổng công ty (Ban Kế hoạch tiếp nhận) chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày có Quyết định giao kế hoạch.

- Các công trình có ghi chú (\*) tại mục ghi chú khi có cập nhật thông tin Quy hoạch mới được triển khai các bước tiếp theo.

- Đơn vị ký thỏa thuận giao việc với các đơn vị:

+ ) Công trình (1), (3): Tư vấn quản lý dự án; Đơn vị thực hiện: Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội.

+ ) Công trình (3): Tư vấn (lập BCNCKT/BCKTKT), Tư vấn giám sát; Đơn vị thực hiện: Công ty Dịch vụ Điện lực Hà Nội

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Mã Công trình						Tên danh mục/Đơn vị	Nguồn vốn	Giá trị khái toán	Quy mô khối lượng chính (dự kiến)	Ghi chú
							CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN		50.244		
1	K	60	C	50	26	2	01	Vay TDTM	20.496		(*)
1.1							Hạ điện áp các lộ đường dây trung thế 374, 376 E10.4			+ MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-250kVA-bình dầu phụ: 01 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-320kVA-bình dầu phụ: 01 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-400kVA-bình dầu phụ: 05 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-560kVA-bình dầu phụ: 01 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-630kVA-bình dầu phụ: 02 máy; - CSV 22kV: 41 bộ/3pha. - LBS kiểu kín 22kV: 4 bộ.	
							Hạ điện áp đường dây trung thế 374E10.4			+ MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-250kVA-bình dầu phụ: 08 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-320kVA-bình dầu phụ: 02 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-400kVA-bình dầu phụ: 15 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-560kVA-bình dầu phụ: 02 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-630kVA-bình dầu phụ: 03 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-1000kVA-bình dầu phụ: 01 máy; - LBS kiểu kín-22kV: 02 bộ; - CSV 22kV: 80 bộ/3 pha.	
1.2							Hạ điện áp đường dây trung thế 376E10.4			+ MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-250kVA-bình dầu phụ: 01 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-100kVA-bình dầu phụ: 01 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-250kVA-bình dầu phụ: 02 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-400kVA-bình dầu phụ: 02 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-560kVA-bình dầu phụ: 01 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-630kVA-bình dầu phụ: 04 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0, 4kV-750kVA-bình dầu phụ: 01 máy; - CSV 22kV: 37 bộ/3pha. - LBS kiểu kín 22kV: 02 bộ. - TU, TI đo đếm: 01 bộ.	
							Hạ điện áp đường dây trung thế 375E10.4	Vay TDTM	5.890		(*)

TT	Mã Công trình						Tên danh mục/Đơn vị	Nguồn vốn	Giá trị khái toán	Quy mô khối lượng chính (dự kiến)	Ghi chú
3	K	60	C	50	26	2	03	Vay TDTM	23.858	+ MBA dầu-3 pha-22/0,4kV-100kVA-bình dầu phụ: 01 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0,4kV-250kVA-bình dầu phụ: 03 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0,4kV-320kVA-bình dầu phụ: 01 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0,4kV-400kVA-bình dầu phụ: 13 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0,4kV-560kVA-bình dầu phụ: 01 máy; + MBA dầu-3 pha-22/0,4kV-630kVA-bình dầu phụ: 03 máy; - LBS kiểu kín 22kV: 03 bộ; - CSV 22kV: 117 bộ/3pha. - Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2: 2200m. - Tủ RMU 22kV-kiểu Compact -3 ngăn (2CD +1CC): 03 tủ.	(*)

Số: **11014** /QĐ-EVNHANOI

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng – tài chính  
năm 2025 cho Công ty Thường Tín

### TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

*Căn cứ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;*

*Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-EVN ngày 14/10/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;*

*Căn cứ quyết định số 1274/QĐ-EVN ngày 01/12/2024 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng - tài chính năm 2025 cho Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 237/NQ-HĐTV ngày 10/12/2024 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng - tài chính năm 2025 giao các đơn vị;*

*Theo đề nghị của ông Trưởng Ban Kế hoạch;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng – tài chính năm 2025 cho **CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN**

*(Chi tiết như phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Căn cứ nhiệm vụ được giao, Giám đốc các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra đơn vị triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Trưởng các Ban chức năng của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tạo điều kiện để đơn vị hoàn thành kế hoạch./.

#### Nơi nhận:

- Ban TVĐU, HĐTV, BTGD;
- TH, KTGS;
- KH, TCNS, KT, TCKT, QLĐTU, KD, AT, TT;
- EVNHANOIETC, EVNHANOIESC;
- PCTHUONGTIN (bản giấy, để th/hiện);
- Lưu: VT, KH.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Anh Tuấn**

**Phụ lục**  
**GIAO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**– TÀI CHÍNH NĂM 2025 CHO CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN**  
*(Ban hành kèm theo quyết định số **11014**QĐ-EVNHAÑO ngày 12/12/2024)*

**1. Kế hoạch kinh doanh điện năng – dịch vụ khách hàng**

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024
<b>1.1</b>	<b>Điện đầu nguồn 3 giá (kWh)</b>	<b>834.452.000</b>
	Bình thường	485.681.000
	Cao điểm	184.688.000
	Thấp điểm	164.083.000
<b>1.2</b>	<b>Điện thương phẩm điều hành (kWh)</b>	<b>803.655.000</b>
	<b>Điện thương phẩm phần đầu (kWh)</b>	<b>833.264.000</b>
<b>1.3</b>	<b>Tỷ lệ điện TT&amp;PP (%)</b>	<b>3,47</b>
<b>1.4</b>	<b>Giá bán điện bình quân (đ/kWh)</b>	<b>2.132,19</b>
<b>1.5</b>	<b>Kiểm tra áp giá bán điện</b>	
<b>1.5.1</b>	Kiểm tra định kỳ <i>(Các đơn vị phải đảm bảo các điểm đo được luân phiên thực hiện kiểm tra áp giá)</i>	
	Điểm đo có nhiều mục đích sử dụng điện trong cùng 1 công tơ (số điểm đo)	1.563
	Điểm đo Tổng công ty ký HĐMBĐ (Công suất $\geq 10.000$ KVA) (số điểm đo)	3
	Điểm đo có giá sản xuất (số điểm đo)	6.356
	Điểm đo có giá HCSN, CSCC (số điểm đo)	783
	Điểm đo có giá bệnh viện, trường học (số điểm đo)	106
	Điểm đo sinh hoạt có số định mức $\geq 2$ (số điểm đo)	783
<b>1.5.2</b>	Tự kiểm tra, giám sát hàng tháng đối với các đối tượng khách hàng có biến động về sản lượng, biến động về đối tượng áp dụng giá bán điện.	
	- Điểm đo ngoài sinh hoạt có sản lượng tăng $\geq 70\%$ so với cùng kỳ năm trước	Kiểm tra 100% trường hợp phát sinh trong tháng



TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024
	- Điểm đo sinh hoạt có số định mức $\geq 2$ có sản lượng giảm 80% so với cùng kỳ năm trước	Kiểm tra 100% trường hợp phát sinh trong tháng
	- Điểm đo sinh hoạt có số định mức $\geq 2$ có sản lượng $\leq 100\text{kWh}$	Kiểm tra 100% trường hợp phát sinh trong tháng
	- Điểm đo 1 giá có sản lượng trung bình 3 tháng liên kế $\geq 2000\text{kWh}$	Kiểm tra 100% trường hợp phát sinh trong tháng
	- Điểm đo có thay đổi mục đích sử dụng điện từ KDDV sang các mức giá thấp hơn.	Kiểm tra 100% trường hợp phát sinh trong tháng
<b>1.5.3</b>	<b>Các đối tượng khách hàng khác</b>	
	- Điểm đo có giá bán buôn khu công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.	Kiểm tra theo thời hạn hiệu lực của HĐMBĐ (tối đa không quá 5 năm)
	- Điểm đo bán buôn điện nông thôn, khu tập thể cụm dân cư, tổ hợp TM - DV - SH	Tiến hành áp giá bán điện theo kỳ thanh toán của tổ chức theo đúng qui định của Thông tư về giá bán điện.
<b>1.6</b>	<b>Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá bán điện đối với các hộ cho thuê nhà để ở (số hộ)</b>	55
<b>1.7</b>	<b>Kế hoạch giao chỉ tiêu lập biên bản vi phạm (chủ nhà cho thuê trọ có hành vi thu tiền điện của người thuê trọ cao hơn giá quy định) (số lượng tối thiểu)</b>	1
<b>1.8</b>	<b>Kế hoạch tỷ lệ khách hàng bán điện trực tiếp (%) (Chỉ tiêu phấn đấu)</b>	90,00
<b>1.9</b>	<b>Kế hoạch thay công tơ định kỳ (cái)</b>	6.638
	Thay định kỳ công tơ 1 pha (cái)	0
	Thay định kỳ công tơ 3 pha (cái)	6.638
<b>1.10</b>	<b>Kế hoạch kiểm định và thay định kỳ TU-TI (quả)</b>	224
	Kiểm định và thay định kỳ TI (quả)	218
	Kiểm định và thay định kỳ TU (quả)	6

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024
1.11	Kế hoạch thanh toán tiền điện bằng hình thức trích nợ tự động (%)	15,90
1.12	Kế hoạch thanh toán tiền điện bằng hình thức trích nợ tự động khách hàng ngoài sinh hoạt theo doanh thu (%)	32,51
1.13	Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và dịch vụ khách hàng khác:	
	Kế hoạch tỷ lệ thu tiền điện (%)	99,7
	Kế hoạch tỷ lệ khách hàng thanh toán qua ngân hàng và tổ chức trung gian (%)	99,7
	Kế hoạch chỉ tiêu tỷ lệ nợ khó đòi (nợ từ 6 tháng trở lên trên tổng phải thu cả năm) (%)	0
	Kế hoạch tỷ lệ yêu cầu dịch vụ được thực hiện theo phương thức điện tử toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ (%)	100
	Kế hoạch tỷ lệ yêu cầu dịch vụ điện cung cấp trực tuyến đạt cấp độ 4 (%)	100
	Kế hoạch tỷ lệ yêu cầu của khách hàng được EVNHANOI thực hiện đúng thời gian cam kết (%)	100
	Kế hoạch tỷ lệ khách hàng thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ điện có thu phí (%)	100
	Kế hoạch tỷ lệ khách hàng sử dụng dịch vụ điện trên môi trường mạng (web, email, app,...) (%)	100
	Kế hoạch chỉ tiêu cài đặt hệ sinh thái chăm sóc khách hàng (%)	Đảm bảo thu thập 100% địa chỉ thư điện tử của khách hàng sử dụng điện để nhận thông báo từ EVNHANOI, 100% khách hàng cài đặt App EVN HANOI.
	Kế hoạch khách hàng phản ánh, kiến nghị về thái độ phục vụ của nhân viên chăm sóc khách hàng (%)	Không có tin khách hàng phản ánh, kiến nghị đúng về thái độ phục vụ của nhân viên chăm sóc khách hàng.

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024
	Kế hoạch thực hiện qua hệ thống định danh cuộc gọi Voice Brandname (%)	Yêu cầu 100% cuộc gọi của nhân viên chăm sóc khách hàng khi gọi tới khách hàng phải thực hiện qua hệ thống định danh cuộc gọi Voice Brandname
	Kế hoạch chỉ tiêu đối soát thông tin chủ thẻ hợp đồng mua bán điện với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư khách hàng cá nhân (%)	100

## 2. Chỉ tiêu quản lý kỹ thuật

### 2.1. Chỉ tiêu suất sự cố tổng hợp (vụ/100km): 13,92

### 2.2. Chỉ tiêu độ tin cậy cung cấp điện

Nội dung	MAIFI (lần)	SAIDI (phút)	SAIFI (lần)
Bộ chỉ số phân phối (tổng hợp)	1,859	70,470	1,015

### 2.3. Kế hoạch sửa chữa điện nóng và vệ sinh Hotline

Trực tiếp (lần)	Vệ sinh Hotline (lần)
56	136



### 3. Kế hoạch tiền lương và năng suất lao động

<b>3.1</b>	<b>Kế hoạch tiền lương (triệu đồng)</b>	
	Tiền lương	39.127
	Các khoản trích theo lương	5.158
	Ăn ca	1.428
<b>3.2</b>	<b>Năng suất lao động</b>	
	Năng suất lao động theo thương phẩm (triệu kwh/người/năm)	4,93
	Năng suất lao động theo khách hàng (KH/người/năm)	556
	Lao động SXĐ sử dụng BQ (người)	163
	Lao động DVKH BQ (người)	6



#### 4. Chỉ tiêu giá bán điện nội bộ và kế hoạch chi phí, lợi nhuận

##### 4.1. Giá bán điện nội bộ

STT	Giá bán điện theo giờ	Giá bán điện nội bộ (chưa thuế VAT) (đ/kWh)
<b>1</b>	<b>Giá giờ cao điểm</b>	
	Các tháng 1-3	2.866,5
	Các tháng 4-6	3.005,5
	Các tháng 7-9	2.710,2
	Các tháng 10-12	2.866,5
<b>2</b>	<b>Giá giờ thấp điểm</b>	955,5
<b>3</b>	<b>Giá giờ bình thường</b>	1.737,3
<b>4</b>	<b>Mức giá bình quân kế hoạch</b>	1.832,0

##### 4.2. Kế hoạch chi phí, giá thành phân phối và lợi nhuận

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
<b>1</b>	<b>Chi phí vật liệu</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>6.134</b>
	a. Chi phí TCT thực hiện	triệu đồng	390
	b. Chi phí đơn vị thực hiện	triệu đồng	5.744
<b>2</b>	<b>Chi phí phát triển khách hàng</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>1.780</b>
<b>3</b>	<b>Dịch vụ mua ngoài</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>4.024</b>
	a. Chi phí TCT thực hiện	triệu đồng	1.156
	b. Chi phí đơn vị thực hiện	triệu đồng	2.868
<b>4</b>	<b>Chi phí khác bằng tiền</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>4.704</b>
	a. Chi phí TCT thực hiện	triệu đồng	583
	b. Chi phí đơn vị thực hiện	triệu đồng	4.121
<b>5</b>	<b>Chi phí chăm sóc khách hàng và truyền thông</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>328</b>
	a. Chi phí TCT thực hiện	triệu đồng	0
	b. Chi phí đơn vị thực hiện	triệu đồng	328
<b>6</b>	<b>Chi phí công tơ</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>10.104</b>
<b>7</b>	<b>Chi phí phân phối bán lẻ</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>187.022</b>
<b>8</b>	<b>Giá thành phân phối bán lẻ</b>	<b>đồng/kWh</b>	<b>232,71</b>
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận hoạt động SXKD điện (0% vốn nhà nước)</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>0</b>

5. Kế hoạch đầu tư xây dựng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Mã công trình							Danh mục dự án	Giao kế hoạch ĐTXD năm 2025								Nguồn vốn của dự án
									Tổng nguồn vốn	Nguồn vốn huy động		Tổng số	Trong đó				
										Vốn trong nước			Xây dựng	Thiết bị		Chi phí khác	
										Vốn KHCB	Vốn vay TDTM			Thiết bị TCty cấp	Thiết bị đơn vị mua		
26								CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN	99.846	28.934	70.913	99.846	52.784	16.342	18.422	12.298	0
26								A - CÁC CT ĐIỆN	99.846	28.934	70.913	99.846	52.784	16.342	18.422	12.298	0
4								I. Các dự án trả nợ khối lượng chờ duyệt quyết toán	1.062	1.062	-	1.062	535	-	-	527	0
1	K	60	C	50	24	2	01	Xây dựng DZ và TBA các xã Vạn Điểm, Văn Tự, Minh Cường, Hà Hồi, Tự Nhiên, Ninh Sở	182	182		182	83			99	Vay TDTM NVTK: 6.980 triệu
2	K	60	C	50	24	2	02	Xây dựng DZ và TBA các xã Vạn Điểm, Văn Tự, Minh Cường, Hà Hồi, Tự Nhiên, Ninh Sở (đợt 2)	271	271		271	116			155	Vay TDTM NVTK: 14.520 triệu
3	K	60	C	50	24	2	03	Xây dựng DZ và TBA các xã Vân Tảo, Thống Nhất, Thụ Phú, Hồng Vân, Tiền Phong, Tô Hiệu	307	307		307	153			153	Vay TDTM NVTK: 14.410 triệu
4	K	60	C	50	24	2	04	Xây dựng mạch vòng nâng cao năng lực cấp điện, giảm tổn thất đường dây trung thế	301	301		301	182			119	Vay TDTM NVTK: 14.250 triệu
4								II. Các dự án chuyển tiếp	18.953	4.752	14.201	18.953	14.065	-	2.402	2.486	0
1	K	60	C	50	24	2	05	Xây dựng đường dây và TBA tại các xã Minh Cường, Tự Nhiên, Quất Động, Tiền Phong	6.488	358	6.130	6.488	4.172	-	1.728	588	Vay TDTM NVTK: 9.600 triệu
2	K	60	C	50	24	2	06	Xây dựng đường dây 478E1.32	6.153	1.300	4.853	6.153	5.130	-	223	800	Vay TDTM NVTK: 11.800 triệu
3	K	60	C	50	24	2	07	Xây dựng đường dây 480E1.32	4.207	989	3.218	4.207	3.155	-	227	825	Vay TDTM NVTK: 5.976 triệu
4	F	60	C	50	24	2	08	Xây dựng đường dây và TBA tại các xã Dũng Tiến, Khánh Hà	2.105	2.105		2.105	1.608	-	224	273	KHCB NVTK: 4.500 triệu
1								III. Các dự án khởi công mới	12.422	2.046	10.376	12.422	2.572	7.954	787	1.109	0
1	K	60	C	50	23	2	11	Lắp đặt tủ RMU, recloser và LBS có chức năng giám sát và điều khiển xa trên lưới điện trung áp huyện Thường Tín giai đoạn 2023-2025	12.422	2.046	10.376	12.422	2.572	7.954	787	1.109	Vay TDTM NVTK: 29.701 triệu



TT	Mã công trình							Danh mục dự án	Giao kế hoạch ĐTXD năm 2025							Nguồn vốn của dự án		
									Tổng nguồn vốn	Nguồn vốn huy động		Tổng số	Trong đó					
										Vốn trong nước			Xây dựng	Thiết bị			Chi phí khác	
										Vốn KHCB	Vốn vay TDTM			Thiết bị TCty cấp	Thiết bị đơn vị mua			
17								IV. Các dự án chuẩn bị đầu tư	67.410	21.074	46.335	67.410	35.612	8.387	15.234	8.176	0	
1	K	60	C	50	25	2	01	Xây dựng đường dây và TBA năm 2025 giai đoạn 1	8.611	2.583	6.028	8.611	5.617	1.198	1.189	606	Vay TDTM NVTK: 14.287 triệu	
2	K	60	C	50	25	3	02	Lắp đặt tủ điều khiển tự bù tại các điểm đo công cộng giai đoạn 1	3.359	1.008	2.351	3.359	216	-	2.883	260	Vay TDTM NVTK: 5.566 triệu	
3	K	60	C	50	25	2	03	Xây dựng xuất tuyến 476E10.4 đấu nối hạ áp nhánh Lê Lợi, Chương Dương (376E10.4) và nhánh Tự Nhiên (371E1.32)	6.782	2.035	4.747	6.782	4.779	-	242	1.761	Vay TDTM NVTK: 11.293 triệu	
4	K	60	C	50	25	2	04	Nâng cao năng lực cấp điện đường dây 373E10.4, 375E10.4, 471E10.4, 475E10.4, 470E1.32, 471E1.32, 475E1.32, 476E1.32.	8.547	2.564	5.983	8.547	8.183	-	-	364	Vay TDTM NVTK: 14.220 triệu	
5	K	60	C	50	25	2	05	Hạ áp đường dây 372E1.32	5.062	1.519	3.543	5.062	1.118	2.115	1.515	314	Vay TDTM NVTK: 8.368 triệu	
6	K	60	C	50	25	2	06	Hạ áp đường dây 370E1.32	6.630	1.989	4.641	6.630	1.596	-	4.714	320	Vay TDTM NVTK: 11.022 triệu	
7	K	60	C	50	25	2	07	Xây dựng mới xuất tuyến 22kV (hạ áp một phần 374E10.4)	6.415	1.925	4.491	6.415	3.664	-	1.854	897	Vay TDTM NVTK: 10.692 triệu	
8	K	60	C	50	25	2	08	Hạ áp đường dây 374E1.32	6.518	1.955	4.563	6.518	3.813	-	1.856	849	Vay TDTM NVTK: 10.814 triệu	
9	K	60	C	50	25	2	09	Hạ áp đường dây 371E1.32, nhánh Đông Thái đường dây 371E1.32	746	746	-	746				746	Vay TDTM NVTK: 22.566 triệu	
10	K	60	C	50	25	2	10	Hạ áp một phần đường dây 376E10.4	7.632	2.290	5.343	7.632	1.588	4.479	980	585	Vay TDTM NVTK: 12.617 triệu	
11	K	60	C	50	25	2	11	Cải tạo đường trục và các nhánh rẽ lộ 471E10.4 Đợt 2 năm 2025	2.942	883	2.059	2.942	2.399	65		478	Vay TDTM NVTK: 14.700 triệu	
12	K	60	C	50	25	2	12	Cải tạo các nhánh rẽ thuộc các đường dây 35kV sau trạm 110kV E10.4 Tía Đợt 2 năm 2025	1.027	308	719	1.027	493	299		235	Vay TDTM NVTK: 5.100 triệu	
13	K	60	C	50	25	2	13	Cải tạo các nhánh rẽ thuộc các đường dây trung thế sau trạm 110kV E1.32 Thường Tín năm 2025	2.668	800	1.867	2.668	2.104	12		552	Vay TDTM NVTK: 13.280 triệu	
14	F	60	C	50	25	2	14	Lắp đặt thiết bị đóng cắt tự bù có chức năng SCADA trên đường dây trung áp Công ty Điện Lực Thường Tín năm 2025	293	293		293	41	219		33	KHCB NVTK: 1.450 triệu	
15	K	60	C	50	26	2	01	Hạ điện áp các lộ đường dây trung thế 374, 376 E10.4	-	-		-					Vay TDTM NVTK: 20.496 triệu	
16	K	60	C	50	26	2	02	Hạ điện áp đường dây trung thế 375E10.4	177	177		177				177	Vay TDTM NVTK: 5.890 triệu	
17	K	60	C	50	26	2	03	Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32	-	-		-					Vay TDTM NVTK: 23.858 triệu	

6. Kế hoạch dịch vụ điện lực

Kế hoạch Tổng công ty giao năm 2025				Kế hoạch dịch vụ đơn vị đăng ký năm 2025																		
				Cho thuê cột (tr đồng)							Bao thầu							Lắp công tơ mới cho KH (tr đồng)		Tổng cộng giá trị nguồn lương cho đội dịch vụ năm 2025 theo kế hoạch (tr đồng)	Nguồn lương còn thiếu sau khi đơn vị đăng ký so với KH giao (tr đồng)	
ST T	Đơn vị	Số lao động dịch vụ (số người)	Nguồn lương SXK 2025 (tr đồng)	Doanh thu dự kiến	Lợi nhuận hoạt động dự kiến	Chi phí hoạt động cho thuê cột	Trong đó: Nguồn lương cho LĐ dịch vụ	Trong đó: Nguồn lương chi trả cho X8	Nguồn lương phân bổ cho bộ phận nội bộ tại đơn vị	CP khác	Doanh thu dự kiến (tr đồng)	Tổng số TBA khách hàng trên địa bàn lũy kế năm 2025	Tổng số TBA khách hàng lũy kế có khả năng bao thầu năm 2025	Số TBA Khách hàng đã bao thầu lũy kế hết năm 2024	Số TBA lũy kế còn lại chưa thực hiện bao thầu	Số TBA thực hiện bao thầu lũy kế hết năm 2025 tại đơn vị	Tỷ lệ bao thầu/Tổng số TBA có khả năng bao thầu năm 2025	Nguồn lương cho LĐ dịch vụ (tr đồng)	Doanh thu dự kiến			Nguồn lương cho LĐ dịch vụ
1	2	3	4	5	6=5-7	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=14-15	17	18	19	20	21	23	24
1	Công ty Điện lực Thường Tín	6	1.692	4.155	2.576	1.579	914	665	-		1.300	342	266	95	171	226	85%	975	1.700	361	2.250	558



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**

Số: 6273 /SCT-QLNL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

V/v Cập nhật thông tin công trình điện  
trung áp xây dựng mới và cải tạo.

Kính gửi: Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội  
(Địa chỉ: số 69 Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

Sở Công Thương Hà Nội nhận được Tờ trình số 8399/TTr-EVNHANOI của Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội đề nghị bổ sung, điều chỉnh Hợp phần II - Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội - Lưới điện trung áp sau các trạm biến áp 110kV.

Thực hiện văn bản số 5689/UBND-KT ngày 07/12/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cập nhật công trình điện trung áp vào Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố, sau khi xem xét Sở Công Thương có ý kiến như sau:

Các công trình xây dựng mới, cải tạo đường dây và trạm biến áp phân phối trung áp đáp ứng nhu cầu tăng trưởng phụ tải, đảm bảo cung ứng điện an toàn, ổn định, liên tục phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Thủ đô Hà Nội triển khai do Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội đề xuất triển khai trong năm 2024-2025:

1. Các công trình có trong Hợp phần II - Quy hoạch phát triển điện lực:

Xây dựng mới 03 Trạm biến áp, tổng công suất tăng thêm 1.660kVA.

2. Các công trình được cập nhật thông tin:

+ Trạm biến áp: Điều chỉnh quy hoạch nâng công suất 5 trạm biến áp; Bổ sung xây dựng mới 48 trạm biến áp và nâng công suất 12 trạm biến áp; tổng công suất tăng thêm 41.440kVA.

+ Đường dây: Cập nhật xây dựng mới 37 lộ đường dây trung áp; Cải tạo 18 lộ đường dây, tổng chiều dài: 297,957 km.

3. Các công trình chưa xem xét cập nhật:

+ Trạm biến áp: 02 công trình.

+ Đường dây: 02 công trình.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

**Lưu ý:** Để thực hiện các quy định về an toàn công trình điện và quản lý thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực theo pháp luật hiện hành, đề nghị Chủ đầu tư thực hiện báo cáo Sở Công Thương bằng văn bản các nội dung sau: Toàn bộ các công việc trong giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án theo quy định; Thỏa thuận về hướng tuyến công trình với cơ quan có thẩm quyền; Thời gian khởi công xây dựng công trình; Kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng trước khi đưa vào sử dụng.

Sở Công Thương Hà Nội thông báo Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội biết để thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND Thành phố | (để b/cáo);
- PGĐ Phụ trách Sở |
- Các Sở: QH-KT, GTVT | (để p/hợp);
- UBND các quận, huyện liên quan |
- Lưu: VT, QLNL (Dung 03b).

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đình Thắng**



**Danh mục trạm biến áp cập nhật vào Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội**  
(Kèm theo văn bản số 613/SCT-QĐNL ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Sở Công Thương)



TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô					Thời điểm dự kiến xây dựng	Ghi chú
			Công suất hiện tại (kVA)	suất quy hoạch được duyệt (kVA)	Công suất giai đoạn 2021-2025 (kVA)	Điện áp (kV)	Nguồn cấp		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I HUYỆN GIA LÂM</b>									
1	TBA Trâu Quỳ 6	Thị trấn Trâu Quỳ	0	0	630	22	462E1.69	2025	Xây dựng mới
2	TBA Trâu Quỳ 7	Thị trấn Trâu Quỳ	0	0	630	22	462E1.69	2025	Xây dựng mới
3	TBA Bát Tràng 27	Bát Tràng	0	0	630	22	468E1.69	2025	Xây dựng mới
4	TBA Trâu Quỳ 3	Thị trấn Trâu Quỳ	0	0	630	22	462E1.69	2025	Xây dựng mới
5	TBA Trâu Quỳ 4	Thị trấn Trâu Quỳ	0	0	630	22	466E1.69	2025	Xây dựng mới
6	TBA Yên Viên 30	Yên Viên	0	560	630	22	480E1.2	2025	Điều chỉnh Quy hoạch
7	TBA Phú Thị 13	Phú Thị	0	400	630	22	485E1.38	2025	Điều chỉnh Quy hoạch
<b>II QUẬN LONG BIÊN</b>									
1	TBA CT7 Phúc Đồng	Phúc Đồng	400	400	4500	22	452E1.59	2024	Nâng công suất
2	TBA Thôn Cầu 7	Thạch Bàn	0	0	630	22	475 E1.15	2025	Xây dựng mới
3	TBA Thôn Trạm 9	Long Biên	0	0	630	22	482 E1.15	2025	Xây dựng mới
4	TBA Thôn Trạm 10	Long Biên	0	0	630	22	477 E1.15	2025	Xây dựng mới
5	TBA Tư Đình 13	Long Biên	0	0	630	22	482 E1.15	2025	Xây dựng mới
<b>III HUYỆN MÊ LINH</b>									
1	TBA Khê Ngoại 6	Xã Văn Khê	0	0	400	22	473E1.36	2025	Xây dựng mới
2	TBA Tiên Phong 21	Xã Tiên Phong	0	0	400	22	472E1.23	2025	Xây dựng mới
3	TBA Gia Tân 3	Thị trấn Quang Minh	0	0	400	22	474E1.23	2025	Xây dựng mới
<b>IV HUYỆN HOÀI ĐỨC</b>									
1	TBA Song Phương 13	xã Song Phương	0	0	630	22	482E1.37	2025	Xây dựng mới

2	TBA Di Trạch 16	xã Di Trạch	0	0	630	22	479E1.37	2025	Xây dựng mới
3	TBA Đức Giang 11	xã Đức Giang	0	400	630	22	474E1.31	2025	Điều chỉnh Quy hoạch
4	TBA An Khánh 22	xã An Khánh	0	0	630	22	477E1.37	2025	Xây dựng mới
5	TBA An Khánh 26	xã An Khánh	0	0	630	22	478E1.37	2025	Xây dựng mới
6	TBA An Khánh 27	xã An Khánh	0	0	630	22	463E1.61	2025	Xây dựng mới
7	TBA An Khánh 29	xã An Khánh	0	0	630	22	477E1.37	2025	Xây dựng mới
8	TBA Vân Côn 21	xã Vân Côn	0	0	630	22	482E1.37	2025	Xây dựng mới
9	TBA Vân Côn 23	xã Vân Côn	0	0	630	22	482E1.37	2025	Xây dựng mới
10	TBA Vân Côn 24	xã Vân Côn	0	0	630	22	482E1.37	2025	Xây dựng mới
11	TBA Cát Quế 22	xã Cát Quế	0	0	630	22	473E1.31	2025	Xây dựng mới
12	TBA Số 4 KĐT Vân Canh	xã Vân Canh	400	400	630	22	479E1.37	2025	Nâng công suất
13	TBA An Khánh 30	xã An Khánh	0	0	630	22	458E1.61	2025	Xây dựng mới
14	TBA An Khánh 31	xã An Khánh	0	0	630	22	480E1.37	2025	Xây dựng mới
15	TBA An Khánh 5	xã An Khánh	0	400	630	22	372E1.31 sau hạ áp	2025	Điều chỉnh Quy hoạch
16	TBA Vân Côn 25	xã Vân Côn	0	0	630	35(22)	372E1.31	2025	Xây dựng mới
17	TBA Vân Côn 26	xã Vân Côn	0	0	630	22	482E1.37	2025	Xây dựng mới
18	TBA Di Trạch 21	xã Di Trạch	0	0	630	22	479E1.37	2025	Xây dựng mới
19	TBA T10A Khu ĐTM Lê Trọng Tấn	xã An Khánh	400	400	630	22	480E1.37	2025	Nâng công suất
20	T2A Khu ĐT Lê Trọng Tấn	xã An Khánh	320	320	630	22	480E1.37	2025	Nâng công suất
21	TBA Trường THPT Vạn Xuân	xã Cát Quế	100	100	630	22	473E1.31	2025	Nâng công suất
22	TBA La Tinh 3	xã Đông La	400	400	630	35(22)	370E1.4	2025	Nâng công suất
23	TBA Số 3 KĐT Vân Canh	xã Vân Canh	400	1250	630	22	479E1.37	2025	Điều chỉnh Quy hoạch
<b>V HUYỆN ỨNG HÒA</b>									
1	TBA Bơm Phú Dư	Hồng Quang	250	250	630	35(22)	372E10.2	2025	Nâng công suất



2	TBA Bơm Thái Bình	Vạn Thái	400	400	630	35(22)	372E10.2	2025	Nâng công suất
3	TBA Mãn Xoan	Hồng Quang	250	250	630	35(22)	373E10.2	2025	Nâng công suất
<b>VI QUẬN NAM TỪ LIÊM</b>									
1	TBA Mễ Trì 58	Phường Mễ Trì	0	0	630	22	475E1.25	2025	Xây dựng mới
2	TBA Mễ Trì 60	Phường Mễ Trì	0	0	630	22	461E1.20	2025	Xây dựng mới
3	TBA Mễ Trì 61	Phường Mễ Trì	0	0	630	22	487E1.25	2025	Xây dựng mới
4	TBA Mễ Trì 62	Phường Mễ Trì	0	0	630	22	478E1.25	2025	Xây dựng mới
5	TBA Mỹ Đình 1-29	Phường Mỹ Đình 1	0	0	630	22	468E1.33	2025	Xây dựng mới
6	TBA Trung Văn 4	Phường Trung Văn	630	630	1000	22	485E1.43	2025	Nâng công suất
<b>VII HUYỆN CHƯƠNG MỸ</b>									
1	TBA Hợp Đồng 16	Xã Hợp Đồng	320	320	400	35(22)	371E1.68	2025	Nâng công suất
<b>VIII HUYỆN THANH OAI</b>									
1	TBA Rùa Hạ 4	Xã Thanh Thủy	0	0	630	22	461E1.39	2025	Xây dựng mới
2	TBA Từ Am 4	Xã Thanh Thủy	0	0	630	22	465E1.39	2025	Xây dựng mới
3	TBA Hồng Dương 19	Xã Hồng Dương	0	0	400	35(22)	377E1.39	2025	Xây dựng mới
<b>IX HUYỆN QUỐC OAI</b>									
1	TBA Sài Sơn 8	xã Sài Sơn	0	0	400	22	474E1.48	2025	Xây dựng mới
2	TBA Phú Cát 15	xã Phú Cát	0	0	400	22	451E1.73	2025	Xây dựng mới
<b>X HUYỆN PHÚC THỌ</b>									
1	TBA Tam Hiệp 11	Xã Tam Hiệp	400	400	630	22	476E10.6	2025	Nâng công suất
2	TBA Long Xuyên 13	Xã Long Xuyên	0	0	400	22	474E10.6	2025	Xây dựng mới
3	TBA Hạ Hiệp 21	Xã Liên Hiệp	0	0	400	22	478E10.6	2025	Xây dựng mới
<b>XI HUYỆN ĐAN PHƯỢNG</b>									
1	TBA Hạ Mỗ 21	xã Hạ Mỗ	0	0	630	35(22)	372E1.56	2025	Xây dựng mới



XII HUYỆN THƯỜNG TÍN									
1	TBA Lê Lợi 20	xã Lê Lợi	0	0	250	22	376E10.4 sau hạ áp	2025	Xây dựng mới
2	TBA Lê Lợi 22	xã Lê Lợi	0	0	400	22	376E10.4 sau hạ áp	2025	Xây dựng mới
3	TBA Khánh Hà 17	xã Khánh Hà	0	0	250	22	474E1.32	2025	Xây dựng mới
4	TBA Khánh Hà 18	xã Khánh Hà	0	0	630	22	474E1.32	2025	Xây dựng mới
5	TBA Khánh Hà 19	xã Khánh Hà	0	0	630	22	474E1.32	2025	Xây dựng mới
6	TBA Khánh Hà 20	xã Khánh Hà	0	0	400	22	474E10.9	2025	Xây dựng mới
7	TBA Khánh Hà 21	xã Khánh Hà	0	0	400	22	474E1.32	2025	Xây dựng mới
8	TBA Văn Phú 14	xã Văn Phú	0	0	400	35(22)	374E1.32	2025	Xây dựng mới
	<b>Tổng cộng: 65 công trình</b>				<b>41.440</b>				

**Phụ lục 2**  
**Danh mục đường dây trung áp cập nhật vào Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội**  
 (Kèm theo văn bản số 623/SCT-QLNL ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Sở Công Thương)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô			Thời điểm dự kiến xây dựng	Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình điện	Ghi chú	
			Hiện tại (km)	Sau điều chỉnh (km)	Điện áp (kV)				Nguồn cấp
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	QUẬN NAM TỪ LIÊM								
1	Xây dựng cáp xuất tuyến Khai thác tải trung thế TBA 220/110kV Đại Mỗ - Lộ xuất tuyến đi TBA TS5 Trung tâm Hội nghị Quốc Gia - Điểm đầu: TBA 220/110kV Đại Mỗ. - Điểm cuối: TBA TS5 Trung tâm Hội nghị Quốc Gia.	Quận Nam Từ Liêm	0	9,78	22	TBA 220/110kV Đại Mỗ	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2: 9780m.	Xây dựng mới
II	HUYỆN THANH TRÌ								
1	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ TBA 110kV Phú Lương đến TBA TĐC Hữu Hòa - Điểm đầu: TBA 110kV Phú Lương. - Điểm cuối: TBA TĐC Hữu Hòa.	Huyện Thanh Trì	0	5	22	TBA 110kV Phú Lương	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2: 5000m.	Xây dựng mới
2	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ TBA 110kV Ngọc Hồi đến cột 6 nhánh Hồng Hà lộ 480E1.32 - Điểm đầu: TBA 110kV Ngọc Hồi. - Điểm cuối: cột 6 nhánh Hồng Hà lộ 480E1.32.	Huyện Thanh Trì	0	5,5	22	TBA 110kV Ngọc Hồi	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2: 5500m.	Xây dựng mới
3	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ TBA 110kV Đại Kim đến TBA Triều Khúc 18 - Điểm đầu: TBA 110kV Đại Kim. - Điểm cuối: TBA Triều Khúc 18.	Huyện Thanh Trì	0	4	22	TBA 110kV Đại Kim	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2: 4000m. Tủ RMU 22kV- kiểu compact- 4 ngăn (3CD+1CC): 01 tủ	Xây dựng mới
4	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ TBA 110kV Kim Giang đến TBA CT8A- KĐT Đại Thanh - Điểm đầu: TBA 110kV Đại Kim - Điểm cuối: TBA CT8A- KĐT Đại Thanh.	Huyện Thanh Trì	0	2,5	22	TBA 110kV Đại Kim	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2: 2500m.	Xây dựng mới
5	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ TBA 110kV Đại Kim đến TBA Triều Khúc 2 - Điểm đầu: TBA 110kV Đại Kim. - Điểm cuối: TBA Triều Khúc 2.	Huyện Thanh Trì	0	4	22	TBA 110kV Đại Kim	2025	"Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2: 4000m. Tủ RMU 22kV- kiểu compact- 4 ngăn (3CD): 01 tủ	Xây dựng mới
III	QUẬN LONG BIÊN								
1	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV trạm 110kV Ngọc Thụy đi TBA Ngọc Thụy 9 - Điểm đầu: TBA 110kV Ngọc Thụy. - Điểm cuối: TBA Ngọc Thụy 9.	Quận Long Biên	0	1,86	22	TBA 110kV Ngọc Thụy	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới
2	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV trạm 110kV Ngọc Thụy đi TBA Thượng Thanh 61 - Điểm đầu: TBA 110kV Ngọc Thụy. - Điểm cuối: TBA Công viên hồ điều hòa .	Quận Long Biên	0	0,61	22	TBA 110kV Ngọc Thụy	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới



3	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV trạm 110kV Ngọc Thụy đi RMU Cắt 208 Nguyễn Văn Cừ - Điểm đầu: TBA 110kV Ngọc Thụy. - Điểm cuối: RMU Cắt 208 Nguyễn Văn Cừ.	Quận Long Biên	0	2,85	22	TBA 110kV Ngọc Thụy	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
4	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV trạm 110kV Ngọc Thụy đi RMU Cắt 166 Nguyễn Văn Cừ - Điểm đầu: TBA 110kV Ngọc Thụy. - Điểm cuối: RMU Cắt 166 Nguyễn Văn Cừ.	Quận Long Biên	0	2,85	22	TBA 110kV Ngọc Thụy	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
5	Nâng cao năng lực cấp điện cho các lộ đường dây 470E1.47 và 478E1.2 - Điểm đầu: TBA 110kV Nối cấp Long Biên - Điểm cuối: TBA Giang Biên 7.	Quận Long Biên	0	1,94	22	TBA 110kV Nối cấp Long Biên	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
<b>IV HUYỆN CHƯƠNG MỸ</b>									
1	Xây dựng mới xuất tuyến 22kV trạm E1.68 Chương Mỹ, hạ áp lộ đường dây 375E1.68 đồng bộ với hạ áp lộ đường dây 375E1.39 Thanh Oai (Giai đoạn 1) - Điểm đầu: TBA 110kV Chương Mỹ. - Điểm cuối: cột 1-2 nhánh Thụy Hương 1 (thuộc lộ 373E1.68).	Huyện Chương Mỹ	0	0,65	22	TBA 110kV Chương Mỹ	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
<b>V HUYỆN THẠCH THẮT</b>									
1	Cải tạo hạ áp từ 35kV xuống 22kV lộ 371 E1.54 - Điểm đầu: TBA 110kV Khu CNC 2 (E1.73). - Điểm cuối: RMU trạm cắt Bắc Phú Cát lộ 373 sau khi hạ áp.	Huyện Thạch Thất	0	2,1	22	TBA 110kV Khu CNC 2	2025	- Cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
2	Cải tạo hạ áp từ 35kV xuống 22kV lộ 373 E1.54 - Điểm đầu: TBA 110kV Khu CNC 2 (E1.73). - Điểm cuối: RMU trạm cắt Bắc Phú Cát lộ 373 sau khi hạ áp.	Huyện Thạch Thất	0	0,65	22	TBA 110kV Khu CNC 2	2025	- MBA dầu 3 pha 22kV-1000kVA: 01 máy (TSKH); - Cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
<b>VI HUYỆN BA VÌ</b>									
1	Hạ điện áp đường dây trung áp 374E1.7 Sơn Tây - Điểm đầu: TBA 110kV Sơn Tây. - Điểm cuối: Cột XT lộ 374 E1.7 Sơn Tây	Huyện Ba Vì	0	15,1	22	TBA 110kV Sơn Tây	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
2	Hạ điện áp đường dây trung áp 374E1.53 Ba Vì - Điểm đầu: TBA 110kV Sơn Tây. - Điểm cuối: Cột XT lộ 374 E1.53 Sơn Tây	Huyện Ba Vì	0	27	22	TBA 110kV Ba Vì	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
3	Hạ điện áp đường dây trung áp 372E1.7 Sơn Tây	Huyện Ba Vì	0	19	22	TBA 110kV Ba Vì	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Cải tạo
<b>VII HUYỆN HOÀI ĐỨC</b>									
1	Hạ điện áp Nhánh Đảo Nguyễn Sài Sơn-372 E1.31 Trôi và một phần ĐZ 370 E1.4 Hà Đông, 375 E1.4 Hà Đông Cải tạo mạch vòng 473-474 E1.37 và 482 E1.37-479 E1.48	Huyện Hoài Đức	0	14,51	22	110kV Bắc An Khánh 110kV Trôi 220kV Hà Đông	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Cải tạo
2	Hạ điện áp một số TBA 35kV thuộc lộ 372 E1.31 và sắp xếp các phụ tải 22kV vào các đường dây 22kV quanh khu vực	Huyện Hoài Đức	0	2,18	22	110kV Trôi 110kV Bắc An Khánh	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Cải tạo
3	Khai thác tải XT E1.72 Kim Chung thay thế XT 470 E1.31 Trôi - Điểm đầu: TBA 110kV Kim Chung. - Điểm cuối: TBA 27/7 (477 E1.31 Trôi)	Huyện Hoài Đức	0	3,15	22	TBA 110kV Kim Chung	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
4	Hạ điện áp một phần ĐZ 372 E1.31 Trôi và sắp xếp lại phụ tải khu vực Sơn Đồng, Lại Yên, Song Phương bằng cách cải tạo mạch vòng 486-487 E1.37 Bắc An Khánh	Huyện Hoài Đức	0	3,35	22	110kV Bắc An Khánh 110kV Trôi	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Cải tạo



5	Hạ điện áp một phần ĐZ 370 E1.4 Hà Đông và 375 E1.4 Hà Đông bằng cách cải tạo Mạch vòng 458 E1.61 Dương Nội - 480 E1.37 Bắc An Khánh và 477 E1.37 Bắc An Khánh- 463 E1.61 Dương Nội	Huyện Hoài Đức	0	10,36	22	110kV Bắc An Khánh	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Cải tạo
6	Hạ điện áp Nhánh TBA Độc lập La Phù + La Phù 17 lộ 375 E1.4	Huyện Hoài Đức	0	0	22	220kV Hà Đông	2025	(thay 01 máy biến áp)	Cải tạo
<b>VIII HUYỆN PHÚC THỌ</b>									
1	Hạ áp lộ 373 E10.6 xuống 22kV đồng bộ với tiến độ hạ áp lộ 372E10.6 và 375E10.6	Huyện Phúc Thọ	0	30,24	22	110 kV Phúc Thọ	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Cải tạo
2	Hạ áp lộ 375 E10.6 về 22kV đồng bộ với tiến độ hạ áp lộ 373E10.6 và 372E10.6	Huyện Phúc Thọ	0	3,76	22	110 kV Phúc Thọ	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Cải tạo
3	Hạ áp đường dây 372E10.6 đầu nối với lộ 373E1.56 sau khi hạ áp xuống 22 kV	Huyện Phúc Thọ	0	6,81	22	110 kV Phúc Thọ	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Cải tạo
4	Hạ điện áp nhánh Đập Văn Cốc và phần đi Sen Chiêu, Phương Độ thuộc lộ 371E10.6 - Điểm đầu: TBA 110kV Phúc Thọ 2. - Điểm cuối: nhánh Đập Văn Cốc.	Huyện Phúc Thọ	0	1,65	22	110 kV Phúc Thọ 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới
5	Hạ điện áp đường dây 371E10.6 - Điểm đầu: TBA 110kV Phúc Thọ 2. - Điểm cuối: đường trục lộ 371E10.6 sau hạ áp	Huyện Phúc Thọ	0	1,45	22	110 kV Phúc Thọ 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới
6	Hạ điện áp đường dây 376E10.6 - Điểm đầu: TBA 110kV Phúc Thọ 2. - Điểm cuối: cột 12 nhánh Bom Cầu Trôi thuộc lộ 376E10.6	Huyện Phúc Thọ	0	3,7	22	110 kV Phúc Thọ 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới
7	Xây dựng mới xuất tuyến 22 kV từ TBA 110kV Phúc Thọ 2 đến nhánh Đập Văn Cốc thuộc đường dây 371 E10.6 - Điểm đầu: TBA 110kV Phúc Thọ 2. - Điểm cuối: nhánh Đập Văn Cốc thuộc đường dây 371 E10.6.	Huyện Phúc Thọ	0	6,45	22	110 kV Phúc Thọ 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới
<b>IX HUYỆN ỨNG HÒA</b>									
1	Hạ điện áp đường dây trung thế lộ 377E10.2 và cải tạo các nhánh Phú Lương Thượng 2, nhánh Phú Lương Thượng 3 Lộ 377E10.2 Văn Đình năm 2026	Huyện Ứng Hòa	0	23,3	22	110 kV E10.2 Văn Đình	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Cải tạo
<b>X QUẬN BẮC TỪ LIÊM</b>									
1	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ TBA 110KV E1.9 Nghĩa Đô đến Trạm Cắt H9-2B - Điểm đầu: TBA 110kV Nghĩa Đô. - Điểm cuối: Trạm Cắt H9-2B.	Quận Bắc Từ Liêm	0	2	22	110 kV Nghĩa Đô	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới
2	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ TBA 110KV E1.9 Nghĩa Đô đến CT3 Đô thị mới Nghĩa Đô và xây dựng mới các tuyến cáp ngầm 22kV phục vụ quy hoạch lưới điện trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm - Điểm đầu: TBA 110kV Nghĩa Đô. - Điểm cuối: Trạm CT3 Đô thị mới Nghĩa Đô	Quận Bắc Từ Liêm	0	3	22	110 kV Nghĩa Đô	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới



<b>XI</b>	<b>HUYỆN MÊ LINH</b>								
1	Xây dựng mới xuất tuyến 22kV từ trạm 110kV Mê Linh 2 đi trạm cắt 2 Thạch Đà - Điểm đầu: TBA 110kV Mê Linh 2. - Điểm cuối: TBA Thạch Đà 9.	Huyện Mê Linh	0	7,8	22	110kV Mê Linh 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
2	Xây dựng mới xuất tuyến từ trạm 110kV Mê Linh 2 liên thông với lộ 476E1.23 - Điểm đầu: TBA 110kV Mê Linh 2. - Điểm cuối: cột 21 nhánh Trảng Việt.	Huyện Mê Linh	0	2,9	22	110kV Mê Linh 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
3	Xây dựng mới xuất tuyến từ trạm 110kV Mê Linh 2 liên thông với lộ 472E1.23 - Điểm đầu: TBA 110kV Mê Linh 2. - Điểm cuối: cột 01 nhánh Chùa Trung Hậu.	Huyện Mê Linh	0	2,9	22	110kV Mê Linh 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
4	Xây dựng mới xuất tuyến từ trạm 110kV Mê Linh 2 liên thông với lộ 472E25.1 - Điểm đầu: TBA 110kV Mê Linh 2. - Điểm cuối: cột 08 nhánh Đông Việt lộ 472E25.1.	Huyện Mê Linh	0	3,5	22	110kV Mê Linh 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
5	Xây dựng mới xuất tuyến từ trạm 110kV Mê Linh 2 liên thông với lộ 473E25.1 - Điểm đầu: TBA 110kV Mê Linh 2. - Điểm cuối: cột 01 nhánh Bom Phù Trì lộ 472E1.36.	Huyện Mê Linh	0	3,5	22	110kV Mê Linh 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
6	Khai thác tải trung thế sau TBA 110kV Mê Linh 2 (liên thông lộ 479E1.36) - Điểm đầu: TBA 110kV Mê Linh 2. - Điểm cuối: cột 01 nhánh Đức Hậu lộ 472E1.36.	Huyện Mê Linh	0	4,6	22	110kV Mê Linh 2	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
<b>XII</b>	<b>QUẬN TÂY HỒ</b>								
1	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ trạm biến áp 110kV Tây Hồ Tây đi TBA Tam Đa 4 - Điểm đầu: TBA 110kV Tây Hồ Tây. - Điểm cuối: TBA Tam Đa 4.	Quận Tây Hồ	0	6,3	22	110kV Tây Hồ Tây	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
<b>XIII</b>	<b>HUYỆN ĐAN PHƯỢNG</b>								
1	Cải tạo hạ điện áp nhánh Thọ Xuân XT1 lộ 370 E1.56	Huyện Đan Phượng	0	0	22	TBA E1.56 Phùng	2025	(các máy biến áp chuyển sang nấc 22kV)	Cải tạo
2	Cải tạo hạ điện áp lộ 375 E10.6 từ cột 40 đến dao LL Thọ An - Trung Châu	Huyện Đan Phượng	0	0	22	TBA E10.6 Phúc Thọ	2025	(các máy biến áp chuyển sang nấc 22kV)	Cải tạo
3	Hạ điện áp đường dây trung áp 373 E1.6 Chèm	Huyện Đan Phượng	0	0,25	22	TBA E1.6 Chèm	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Cải tạo
4	Hạ điện áp đường dây trung áp 374 E1.6 Chèm	Huyện Đan Phượng	0	0,25	22	TBA E1.6 Chèm	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Cải tạo
5	Xây dựng mới xuất tuyến 22kV từ TBA E1.56 đi cột 1 mới (cột dao 2 APS - 371 E1.56 sau hạ áp) - Điểm đầu: TBA 110kV Phùng. - Điểm cuối: cột dao 2APS hiện có.	Huyện Đan Phượng	0	0,9	22	TBA E1.56 Phùng	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
6	Xây dựng mới xuất tuyến 22kV từ TBA E1.56 đi cột 1 nhánh Hạ Mỗ - Điểm đầu: TBA 110kV Phùng. - Điểm cuối: Cột 01 trồng mới nhánh Hạ Mỗ.	Huyện Đan Phượng	0	3,67	22	TBA E1.56 Phùng	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
<b>XIV</b>	<b>QUẬN BA ĐÌNH</b>								
1	Xây dựng 01 cáp xuất tuyến 22kV từ TBA 110kV Yên Phụ đi TBA Lakeview - Điểm đầu: TBA 110kV Yên Phụ. - Điểm cuối: TBA Lakeview.	Quận Ba Đình	0	0,617	22	TBA 110kV Yên Phụ	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
<b>XV</b>	<b>HUYỆN THANH OAI</b>								
1	Xuất tuyến mới 22kV từ TBA 110kV E1.71 Hồng Dương (thuộc dự án Hạ điện áp đường dây trung áp 373E1.39 Thanh Oai) - Điểm đầu: TBA 110kV Hồng Dương. - Điểm cuối: cột 96 lộ 370E1.39.	Huyện Thanh Oai	0	1,15	22	TBA 110kV Hồng Dương	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Xây dựng mới
2	Hạ điện áp đường dây trung áp lộ 377E1.39 Thanh Oai	Huyện Thanh Oai	0	7,1	22	TBA 110kV Thanh Oai	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Cải tạo

<b>XVI</b>	<b>HUYỆN THƯỜNG TÍN</b>								
1	Hạ điện áp đường dây trung thế 374E10.4	Huyện Thường Tín	0	20,18	22	TBA 110kV Tĩa	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Cải tạo
2	Hạ điện áp đường dây trung thế 375E10.4	Huyện Thường Tín	0	7,09	22	TBA 110kV Tĩa	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Cải tạo
3	Hạ điện áp đường dây trung thế 376E10.4	Huyện Thường Tín	0	10,94	22	TBA 110kV Tĩa	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Cải tạo
4	Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32	Huyện Thường Tín	0	17,08	22	TBA 110kV Thường Tín	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Cải tạo
5	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ trạm biến áp 110kV Ngọc Hồi (E1.62) đi Cột 01 MV lộ 470E1.32 - Điểm đầu: TBA 110kV Ngọc Hồi. - Điểm cuối: Cột 01 MV lộ 470E1.32.	Huyện Thường Tín	0	6,88	22	TBA 110kV Ngọc Hồi	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới
<b>XVII</b>	<b>QUẬN THANH XUÂN</b>								
1	Xây dựng mới 01 lộ cáp ngầm 22kV khai thác tải TBA 110kV E1.76 Đại Kim cấp điện cho khu vực Phường Kim Giang và chuyển đầu nối lộ 459E1.5 Thượng Đình để giảm tải cho lộ 464 và 480 E1.5 Thượng Đình - Điểm đầu: TBA 110kV Đại Kim. - Điểm cuối: Kim Giang 17.	Quận Thanh Xuân	0	2,6	22	TBA 110kV Đại Kim	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm2	Xây dựng mới
	<b>Tổng cộng: 55 công trình</b>			<b>297,957</b>					



Phụ lục 3  
**Danh mục trạm biến áp cung cấp thông tin Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội**  
(Kèm theo văn bản số 623/SCT-QLNL ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Sở Công Thương)



TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô					Thời điểm dự kiến xây dựng	Ghi chú
			Công suất hiện tại (kVA)	Công suất quy hoạch được duyệt (kVA)	Công suất giai đoạn 2021-2025 (kVA)	Điện áp (kV)	Nguồn cấp		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	QUẬN LONG BIÊN								
1	TBA Bò Đề 37	Bò Đề	0	630	630	22	470 E1.15	2025	Thông tin Quy hoạch
2	TBA Ngọc Thụy 16	Ngọc Thụy	0	630	630	22	469 E1.2	2025	Thông tin Quy hoạch
II	HUYỆN HOÀI ĐỨC								
1	TBA Đắc Sở 8	xã Đắc Sở	0	0	400	22	477E1.31	2025	Thông tin Quy hoạch
	TỔNG CỘNG				1.660				

**Phụ lục 4**  
**Danh mục trạm biến áp không thực hiện đầu tư xây dựng**  
 (Kèm theo văn bản số 6273./SCT-QLNL ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Sở Công Thương)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô					Thời điểm dự kiến xây dựng	Ghi chú
			Công suất hiện tại (kVA)	Công suất quy hoạch được duyệt (kVA)	Công suất giai đoạn 2021-2025 (kVA)	Điện áp (kV)	Nguồn cấp		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>QUẬN BẮC TỪ LIÊM</b>								
1	TBA Đức Diễn 2 máy 2	Phường Phú Diễn	630	630	1260	22	476E1.6	2025	Tạm dừng không đầu tư năm 2025
2	TBA Đình Quán 3 máy 2	Phường Phú Diễn	630	630	1260	22	476E1.6	2025	Tạm dừng không đầu tư năm 2025
	<b>Tổng cộng: 2 công trình</b>				<b>2.520</b>				



**Phụ lục 5**  
**Danh mục đường dây trung áp không thực hiện năm 2025**  
 (Kèm theo văn bản số 6243 /SCT-QLNL ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Sở Công Thương)

TT	Tên công trình	Quy mô					Thời điểm dự kiến xây dựng	Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình điện	Ghi chú
		Điểm đầu xây dựng	Hiện tại (km)	Sau điều chỉnh (km)	Điện áp (kV)	Nguồn cấp			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>X</b>	<b>QUẬN BẮC TỪ LIÊM</b>								
2	Xây dựng mới 01 xuất tuyến 22kV từ TBA 110KV E1.72 Kim Chung đến Công Nghiệp 15 giảm tải TBA 110kV E1.33 Cầu Diễn - Điểm đầu: TBA 110kV Kim Chung. - Điểm cuối: Trạm Công Nghiệp 15.	Quận Bắc Từ Liêm	0		22	110 kV Kim Chung	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Chưa thực hiện do chưa bố trí được mặt bằng
3	Xây dựng mới 02 xuất tuyến 22kV từ TBA 110KV E1.72 Kim Chung đến Cát Đình Quán giảm tải TBA 110kV E1.33 Cầu Diễn, E1.46 Từ Liêm - Điểm đầu: TBA 110kV Kim Chung. - Điểm cuối: Trạm Cát Đình Quán.	Quận Bắc Từ Liêm	0		22	110 kV Kim Chung	2025	Cáp ngầm 22kV ruột đồng 3x240mm <sup>2</sup>	Chưa thực hiện do chưa bố trí được mặt bằng
	<b>Tổng: 02 công trình</b>								



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THƯỜNG TÍN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 988 /UBND-KTHT&ĐT  
V/v hướng tuyến xây dựng công  
trình điện của Công ty Điện lực  
Thường Tín năm 2026.

Thường Tín, ngày 21 tháng 6 năm 2025

Kính gửi:

- Công ty Điện lực Thường Tín;
- UBND các xã: Thị Trấn Thường Tín, Hà Hồi, Thăng Lợi, Quất Động.

UBND huyện Thường Tín nhận được văn bản số 3221/PCTHUONGTIN- KT&AT ngày 14/06/2025 của Công ty Điện lực Thường Tín về việc đề nghị chấp thuận hướng tuyến xây dựng công trình điện đợt 1 năm 2026 cùng sơ đồ bản vẽ mặt bằng.

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội số 4921/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung không theo chu kỳ “hợp phần II - Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 -2025 có xét đến 2035”; số 711/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 về việc phê duyệt Hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110 kv của Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, xét đến năm 2035; số 5516/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy hoạch huyện Thường Tín, TP Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000; Quyết định của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch nông thôn mới các xã và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng của các xã có dự án đi qua.

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện phối hợp với Công ty Điện lực Thường Tín, UBND các xã tiến hành khảo sát thực địa tại các địa điểm chuẩn bị đầu tư xây dựng.

Qua báo cáo của phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị về việc kiểm tra hướng tuyến xây dựng công trình điện theo đề xuất của Công ty Điện lực Thường Tín và trên cơ sở đề xuất của Công ty Điện lực Thường Tín. UBND huyện Thường Tín có ý kiến như sau:

**1. Công trình “Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32”:**

**1.1 Xã Hà Hồi:**

- Hướng tuyến xây dựng mới khoảng 430m đoạn tuyến cáp ngầm 22kV 3x240mm<sup>2</sup> từ trạm Hà Hồi 10 dọc theo đường bê tông đến đường Quang Trung khu Mơ đến TBA Hà Hồi 17;

- Cải tạo thay thế cáp ngầm 22KV 3x70mm<sup>2</sup> bằng cáp ngầm 22kV 3x240mm<sup>2</sup> theo tuyến cáp ngầm hiện có từ TBA Hà Hồi 17 đến cột 3 nhánh Hà Hồi 1, với tổng chiều dài tuyến là 452m.





- Cải tạo đường dây trên không: Thay dây trần ACSR-70/11mm<sup>2</sup> bằng dây ACSR bọc cách điện 22kV-150/19mm<sup>2</sup> từ cột 1 nhánh Hà Hồi 10 đến TBA Hà Hồi 10 trên hướng tuyến hiện có với chiều dài tuyến là 1.051m; Thay thế, trồng mới 21 vị trí cột.

Theo đồ án quy hoạch nông thôn mới và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hà Hồi. Hiện tại tuyến đường dây cáp ngầm xây dựng mới, cáp ngầm cải tạo, đường dây trên không cải tạo không trùng vào các quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật được quy hoạch tại địa phương. UBND xã Hà Hồi đã ký xác nhận mặt bằng hướng tuyến.

### 1.2 Thị Trấn Thường Tín:

- Cải tạo đường dây trên không: Hạ ngầm tuyến đường dây không trung thế nhánh TBA Nhà Văn Hóa, sử dụng cáp ngầm 22kV 3x70mm<sup>2</sup>, với tổng chiều dài 168m

- Cải tạo thay thế cáp ngầm 35kV- 3x120mm<sup>2</sup> bằng cáp ngầm 22kV - 3x240mm<sup>2</sup> từ trạm Thị trấn 2 (gần cổng chào của huyện) đến cột 6 nhánh Thụy ứng, với tổng chiều dài tuyến là 70m.

- Hướng tuyến xây dựng mới đoạn tuyến cáp ngầm 22kV 3x240mm<sup>2</sup> từ trạm Thị trấn 11 (trong khu dự án Minh An) đến TBA Thị Trấn 3 (trước cửa UBND thị trấn Đường Lý Tử Tấn) với tổng chiều dài tuyến là khoảng 1000m.

Theo đồ án quy hoạch nông thôn mới và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thị Trấn Thường Tín. Hiện tại tuyến đường dây cáp ngầm xây dựng mới, cáp ngầm cải tạo, đường dây trên không, cải tạo không trùng vào các quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật được quy hoạch tại địa phương. UBND Thị Trấn Thường Tín đã ký xác nhận mặt bằng hướng tuyến.

## 2. Công trình “Hạ điện áp các lộ đường dây trung thế 374, 376 E10.4”:

### 2.1 Xã Thắng Lợi:

- Xây dựng mới đoạn tuyến cáp ngầm 35kV 3x240mm<sup>2</sup> từ cột 20 đường dây 376E10.4 (bên trong nghĩa trang thôn Mai Xá) đi qua đường bê tông thôn Mai Xá đến cột 21 đường dây 376E10.4 (Trồng mới) theo mép đường hiện có với tổng chiều dài tuyến là 123m

- Trồng bổ sung mới 01 vị trí cột 23A vào giữa khoảng cột 23 và cột 24 đường dây 376E10.4 hiện có.

Theo đồ án quy hoạch nông thôn mới và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thắng Lợi. Hiện tại tuyến đường dây cáp ngầm xây dựng mới, cáp ngầm cải tạo, đường dây trên không, cải tạo không trùng vào các quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật được quy hoạch tại địa phương. UBND xã Thắng Lợi đã ký xác nhận mặt bằng hướng tuyến.

### 2.2 Xã Quất Động:



- Xây dựng mới đoạn tuyến cáp ngầm 22kV 3x240mm<sup>2</sup> từ điểm A đến cột 79 mạch kép 472E10.4; 473E10.4 hiện có (cột 7 số cột sau cải tạo) theo mép đường hiện có với tổng chiều dài tuyến là 34m.

Theo đồ án quy hoạch nông thôn mới và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Quất Động. Hiện tại tuyến đường dây cáp ngầm xây dựng mới, cáp ngầm cải tạo, đường dây trên không, cải tạo không trùng vào các quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật được quy hoạch tại địa phương. UBND xã Quất Động đã ký xác nhận mặt bằng hướng tuyến.

**3. Để thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng. UBND huyện Thường Tín yêu cầu Công ty điện lực Thường Tín thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:**

- Để đảm bảo vận hành an toàn lưới điện phục vụ nhân dân sinh hoạt và sản xuất, việc đầu tư xây dựng hướng tuyến các đường dây trung thế theo đề xuất là cấp thiết. Do vậy, đối với vị trí xây dựng hướng tuyến các đường dây trung thế để phù hợp quy hoạch theo đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung các xã. Đề nghị Công ty Điện lực Thường Tín khi thi công liên hệ với Chính quyền địa phương sở tại để thống nhất, xác nhận hướng tuyến đường dây cụ thể tại thực địa, đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành. Cam kết lập, thực hiện dự án di dời và xây dựng lưới điện theo quy hoạch để hoàn trả quỹ đất sạch phục vụ phát triển kinh tế xã hội, không ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch chung của huyện.

- Đối với các vị trí xây dựng mới đường dây có yêu cầu về giải phóng mặt bằng. Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 11 Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội để phục vụ công tác lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

- Xây dựng công trình lưới điện phải đảm bảo khoảng cách hành lang bảo vệ an toàn lưới điện không để phát sinh vi phạm mới.

- Xây dựng phương án đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để cắm mốc giới đất xây dựng công trình điện.


- Chỉ được triển khai thi công xây dựng sau khi đã hoàn thành các thủ tục về cấp phép xây dựng, thỏa thuận, cấp phép liên quan hoạt động đường bộ, đề điều, thủy lợi...; trước khi triển khai thi công phải có thông báo đến đơn vị quản lý, khai thác hệ thống công trình để đảm bảo hiệu quả trong công tác phối hợp, thực hiện nhiệm vụ.

Khi thực hiện xây dựng các vị trí chân cột và hạ cáp ngầm liên quan đến quy hoạch, các công trình vừa thi công xong hoặc đang triển khai thi công yêu cầu phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, các chủ đầu tư xây dựng công trình để đảm bảo không vi phạm chỉ giới đường đỏ, không gây ảnh hưởng đến kết cấu, điều kiện vận hành, bảo hành, bảo dưỡng và duy tu công trình.




Trong quá trình thi công và sau khi thi công xong phải thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, hoàn trả mặt bằng để đảm bảo sản xuất, an toàn giao thông đi lại cho nhân dân.

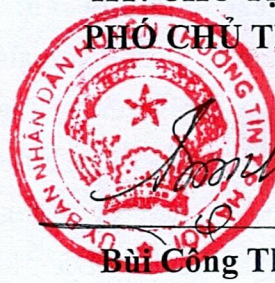
Thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình trên phải đúng Luật Điện lực và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt phải sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại, phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành

UBND huyện Thường Tín có ý kiến như trên đề Công ty Điện lực Thường Tín triển khai, thực hiện các bước tiếp theo. 

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện; (để b/c)
- Đ/c Bùi Công Thản - PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- I.ưu: VT, P. KTHT&ĐT (Luyện). 

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Công Thản**





Thường Tín, ngày 15 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt dự án**  
**Dự án: “Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32”**

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN**

*Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định 1299/QĐ-EVN ngày 03/11/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác thiết kế các dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;*

*Căn cứ Quyết định số 4891/QĐ-HĐTV ngày 31/05/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định về công tác đầu tư xây trong Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội;*

*Căn cứ công văn 3597/EVNHANOIPMB-KT ngày 30/09/2025 của Ban QLDA lưới điện Hà Nội về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Công trình “Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32”; Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định dự án”;*

*Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định BCNCKT dự án Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32 ngày 14/10/2025 của Tổ thẩm định Công ty Điện lực Thường Tín; Theo đề nghị của Phòng Quản lý đầu tư Công ty điện lực Thường Tín,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án “Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32
2. Người quyết định đầu tư: Giám đốc Công ty Điện lực Thường Tín
3. Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Thường Tín
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

#### 4.1. Mục tiêu đầu tư:

- Để đồng bộ hóa lưới điện và để đường dây vận hành an toàn, ổn định không bị quá tải cần thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật “**Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32**” với mục tiêu như sau:

- Để đồng bộ hóa lưới điện và để đường dây vận hành an toàn, ổn định không bị quá tải cần thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật “Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32” với mục tiêu như sau:

+ Theo định hướng và lộ trình hạ áp các đường dây 35kV trên địa bàn Huyện Thường Tín chuẩn hóa lưới điện trung thế 22kV đã được Tổng công ty phê duyệt cần Hạ áp đường dây 375E1.32 năm 2026”

+ Đường dây 375E1.32 sau hạ áp hạ áp cấp cho 41TBA/42 MBA/ tổng công suất đặt 22161,5kVA/ Dự kiến dòng tải 213,8A/ Mang tải 51%. sẵn sàng kết nối liên thông với các đường dây hạ áp sau này theo lộ trình.

+ Đường dây sau hạ áp liên thông với xuất tuyến lộ 374E10.4, 376E10.4 hạ áp cùng thời điểm và 478E1.32

#### 4.2. Quy mô đầu tư:

Kéo rả mới 1.944m cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm<sup>2</sup>-Chống thấm nước; Màn chắn bằng đồng; Giáp kim loại dải băng kép; Cách điện XLPE.

Lắp mới 03 bộ LBS kiểu kín 22kV-630A, 16kA/s, dập hồ quang bằng SF<sub>6</sub>, cách điện polymer, CO bằng điện.

Lắp mới 01 Tủ RMU 22kV kiểu compact 3 ngăn (2CD+CC) Không mở rộng được, 1CC sang MBA, không kết nối SCADA.

Cải tạo thay thế và trồng mới 21 vị trí cột BTLT-PC.I-16-190-13-Nối bích, sử dụng móng MTK-16 cho cột đôi, móng MT-16 cho cột đơn sử dụng tổng cộng 28 cột BTLT-PC.I-16-190-13-Nối bích.

Cải tạo thay thế 4.741m Dây ACSR bọc cách điện 22kV-150/19mm<sup>2</sup>

Tháo lắp tận dụng 1.861m Dây ACSR bọc cách điện 22kV-70/11mm<sup>2</sup>.

Thay thế và lắp đặt mới 384 CSV 22kV-DH-10kA-Kèm hạt nổ

Thay thế MBA 35/0,4kV bằng MBA 22/0,4kV cụ thể như sau:

- + MBA dầu-3 pha-22kV-100kVA-bình dầu phụ: 01
- + MBA dầu-3 pha-22kV-250kVA-bình dầu phụ: 03
- + MBA dầu-3 pha-22kV-320kVA-bình dầu phụ: 01
- + MBA dầu-3 pha-22kV-400kVA-bình dầu phụ: 10
- + MBA dầu-3 pha-22kV-400kVA-cách điện plug-in, bình dầu phụ: 02
- + MBA dầu-3 pha-22kV-560kVA-bình dầu phụ: 01
- + MBA dầu-3 pha-22kV-630kVA-bình dầu phụ: 04

#### 5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

Công ty dịch vụ điện lực Hà Nội. Địa chỉ: Số 100 Trần Phú, Phường Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng: xã Hồng Vân, xã Thượng Phúc và xã Thường Tín, TP Hà Nội.

7. Loại, nhóm dự án, cấp công trình, thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (công trình năng lượng), nhóm C;
- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp (công trình năng lượng – đường dây tải điện và trạm biến áp), cấp IV.
- Thời hạn sử dụng của công trình: 15 năm;

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước

8.2. Tiêu chuẩn chủ yếu lựa chọn:

- Quy phạm trang bị điện: 11-TCN-18-2006, 11-TCN-19-2006, 11-TCN-20-2006, 11-TCN-21-2006 do Bộ Công Nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/07/2006; và các tiêu chuẩn khác có liên quan;



- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Thông tư số 40/2009/TT-BCT, ngày 31/12/2009 của Bộ Công thương quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kỹ thuật điện: QCVN QTĐ-7: 2009/BCT, Tập 7: Thi công các công trình điện;
- Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Văn bản số 3764 EVN/ĐLHN-P04 ngày 19 tháng 8 năm 2004 về kiểm tra đảm bảo chất lượng lớp mạ kẽm nhúng nóng của vật tư, phụ kiện đưa vào vận hành;
- Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/07/2021 của EVN về việc ban hành Quy trình An toàn điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Tiêu chuẩn chế tạo thiết bị theo TCVN và tiêu chuẩn Quốc tế IEC;
- Tiêu chuẩn chống thấm ẩm IP55, IP66;
- Tiêu chuẩn tải trọng và tác động: Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737-2023;
- Quyết định số 4896/QĐ-EVN HANOI ngày 31/5/2025 của của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc Ban hành Quy định về công tác Thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;
- Quyết định 88/QĐ-EVN HANOI ngày 03/01/2024 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành “Đề án định hướng công tác quản lý kỹ thuật giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 (sửa đổi lần 1);
- Quyết định 45/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Đề án “Chuẩn hóa lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội);
- Thông báo số 1672/TB-EVN HANOI ngày 27/02/2024 về việc chuẩn hóa tên gọi, đơn vị tính vật tư thiết bị lưới điện trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;
- Thông báo số 769/TB-EVN HANOI ngày 11/8/2023 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc quy định tạm thời bố trí mốc báo cấp ngầm, hầm nổi cáp;
- Quyết định 114/QĐ-HĐTV ngày 21/09/2021 về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật cáp ngầm trung áp và phụ kiện áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Quyết định số 847/QĐ-EVN HANOI ngày 28/01/2022 về việc Hướng dẫn áp dụng 12 tiêu chuẩn kỹ thuật cơ sở mới của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành tháng 9/2021 trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;
- Quyết định 98/QĐ-HĐTV ngày 05/09/2023 về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ

thuật dao cắt có tải điện áp 22kV và 35kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

- Quyết định 171/QĐ-HĐTV ngày 12/11/2024 về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật tủ Ring Main Unit kiểu nguyên khối cấp điện áp 22kV và 35kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

- Quyết định số 3446/QĐ-EVNHA NOI ngày 01/06/2021 của về việc ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật cáp hạ áp và phụ kiện, cáp nhĩ thứ trên lưới điện hạ áp trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

- Quyết định số 3447/QĐ-EVNHA NOI ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật dây ACSR bọc cách điện XLPE vỏ bọc HDPE chủng loại 22kV (sử dụng cho đường dây trên không cấp điện áp danh định 22kV và 35kV) và phụ kiện, dây bọc cách điện dùng cho TBA kiểu treo (trạm cột) trong Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội;

- Quyết định số 9871/QĐ-EVNHA NOI ngày 27/11/2020 của về việc ban hành tiêu chuẩn vật tư thiết bị trên lưới điện hạ áp trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

- Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội về việc ban hành đề án: Chuẩn hóa lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội.

- Các quy định kỹ thuật khác của ngành điện.

- Các vật tư thiết bị khác không có trong tiêu chuẩn Việt Nam sẽ được tham khảo áp dụng theo tiêu chuẩn IEC

9. Tổng mức đầu tư của dự án: **24.899.867.819 VNĐ** (Bằng chữ: Hai mươi tư tỷ tám trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm mười chín đồng.)

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	11.401.726.756	đồng
Chi phí thiết bị:	7.934.837.444	đồng
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:	88.684.800	đồng
Chi phí quản lý dự án:	536.605.797	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.369.567.866	đồng
Chi phí khác:	1.304.820.809	đồng
Chi phí dự phòng:	2.263.624.347	đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: 2025- 2026.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Vay tín dụng thương mại và KHCB;
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn: theo tiến độ thực hiện dự án.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê quản lý dự án là Ban Quản lý dự án lưới điện Hà Nội (theo Quyết định số 9830/QĐ-EVNHANOI ngày 14/11/2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư đợt 1 năm 2026 cho Công ty Điện lực Thường Tín)

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Phương án tổng thể bồi thường và giải phóng mặt bằng xây dựng, bồi thường hỗ trợ tái định cư.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): -

15. Các nội dung khác: -

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện theo qui định.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3 (20b giấy, đề t/h);
- Lưu: VT, QLĐT.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Minh Tuấn**



Phụ lục

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

DỰ ÁN: HẠ DIỆN ÁP ĐƯỜNG DÂY TRUNG THỂ 375E1.32

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PCTHUONGTIN ngày tháng năm 2025)

Đơn vị tính: Đồng					
STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		88.684.800		88.684.800
2	Chi phí xây dựng	$GXD = Gmsvl + Gxd1 + Gxd2$	10.365.206.142	1.036.520.614	11.401.726.756
	Chi phí mua sắm vật liệu	Gmsvl	7.608.698.744	760.869.874	8.369.568.618
	Chi phí xây dựng phần định mức TT 36, 203	Gxd1	1.246.406.013	124.640.601	1.371.046.614
	Chi phí xây dựng phần định mức TT12	Gxd2	1.510.101.385	151.010.139	1.661.111.524
3	Chi phí thiết bị	Gtb	7.213.488.586	721.348.858	7.934.837.444
	Mua thiết bị	Gmstb	5.885.394.844	588.539.484	6.473.934.328
	Lắp đặt thiết bị	Gldtb	727.792.521	72.779.252	800.571.773
	Thí nghiệm thiết bị	Gtn tb	600.301.221	60.030.122	660.331.343

4	<b>Chi phí quản lý dự án:</b> (Theo Bảng 1.1 Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)		TTGV số 856/TT-PCTHUONGTIN ngày 24/02/2025	<b>496.857.219</b>	<b>39.748.578</b>	<b>536.605.797</b>
5	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>			<b>1.251.283.490</b>	<b>118.284.376</b>	<b>1.369.567.866</b>
5.1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi (Theo Bảng 2.2-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021) so sánh với TTGV		TTGV số 1680/TT-PCTHUONGTIN ngày 28/03/2025	188.756.274	15.100.502	203.856.776
5.2	Chi phí lập TKBVTC phần TBA - Phần thiết bị (Theo Bảng CN2-trang 18-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)	0,727%	x Gtb TBA	39.297.924	3.929.792	43.227.716
5.3	Chi phí lập TKBVTC phần TBA - Phần xây dựng (Theo Bảng 2.7-trang 16-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)	2,460%	x Gxd TBA x 2,15	3.950.243	395.024	4.345.267
5.4	Chi phí lập TKBVTC phần DDK (Theo Bảng 2.7-trang 16-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)	2,460%	x Gxd DDK x 0,93	82.832.739	8.283.274	91.116.013
5.5	Chi phí lập TKBVTC phần CN (Theo Bảng CN1-trang 18-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)	1,841%	x (Gxd CN+Gtb CN)	128.515.219	12.851.522	141.366.741
5.6	Chi phí khảo sát		HD số 27/HD-PCTHUONGTIN ngày 15/03/2025	111.683.040	8.934.643	120.617.683
5.7	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi (Theo Bảng 2.15-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)		HD số 61/HD-PCTHUONGTIN ngày 11/04/2025	41.759.259	3.340.741	45.100.000

5.8	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Theo Bảng 2.16-trang 32-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)	0,289%	Gxd		29.955.446	2.995.545	32.950.991
5.9	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng (Theo Bảng 2.17-trang 34-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)	0,281%	Gxd x1,2		34.951.475	3.495.147	38.446.622
5.10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Theo Bảng 2.19-trang 37-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)	0,549%	Glđ		22.424.460	2.242.446	24.666.906
5.11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị (Theo Bảng 2.20-trang 38-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021)	0,530%	Gmstb,vl		71.489.344	7.148.934	78.638.278
5.12	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Theo Bảng 2.21-trang 40-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 và VB 4240/EVNHANOI-B08 ngày 27/5/2020)	3,494%	Gxd		362.207.034	36.220.703	398.427.737
5.13	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị (Theo Bảng 2.22-trang 41-Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 và VB 4240/EVNHANOI-B08 ngày 27/5/2020)	1,147%	Gtb		82.738.714	8.273.871	91.012.585
5.14	Chi phí thí nghiệm vật liệu	Dự toán chi tiết			50.722.319	5.072.232	55.794.551
<b>6</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>1.232.590.337</b>	<b>72.230.472</b>	<b>1.304.820.809</b>
6.1	Chi phí hoàn trả HTKT		Ght		570.436.946	57.043.695	627.480.641



6.2	Chi phí giám sát hoàn trả HTKT	3,494%	x Ggsht	19.931.067	1.993.107	21.924.174
6.3	Chi phí lãi vay (12 tháng) (Theo VB số: 3082/TB-EVNHANOI ngày 11/04/2025)	Bảng tính chi tiết		469.959.079		469.959.079
6.4	Chi phí kiểm toán (Bảng mục b-trang 62-NĐ 99/2021/NĐ-CP)	0,584%	x TDT sau loại trừ CP dự phòng, đền bù	131.936.702	13.193.670	145.130.372
6.5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Bảng mục c- trang 62-NĐ 99/2021/NĐ-CP)	0,357%	x 50% x TDT sau loại trừ CP dự phòng, đền bù	40.326.543		40.326.543
7	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>10%</b>		<b>2.064.811.057</b>	<b>198.813.290</b>	<b>2.263.624.347</b>
<b>TỔNG CỘNG: (1)+(2)+(3)+(4)+(5)+(6)+(7)</b>				<b>22.712.921.631</b>	<b>2.186.946.188</b>	<b>24.899.867.819</b>

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2402 /CTSN-KHKT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

V/v thỏa thuận hướng tuyến xây dựng công trình  
điện đợt 1 năm 2026 trong hành lang  
bảo vệ công trình thủy lợi.

Kính gửi: Công ty Điện lực Thường Tín.

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ nhận được văn bản số 2869/PCTHUONGTIN-KT&AT ngày 10/10/2025 của Công ty Điện lực Thường Tín về việc thỏa thuận hướng tuyến xây dựng công trình điện đợt 1 năm 2026. Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản, hồ sơ và đi kiểm tra tại hiện trường, Công ty có ý kiến như sau:

1. Theo hồ sơ gửi kèm, hướng tuyến, vị trí xây dựng một số cột điện và tuyến đường dây thuộc công trình: Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32 của Công ty Điện lực Thường Tín là tuyến đường dây có sẵn hiện đang khai thác, vận hành, đi dọc bờ hữu kênh xây Đ4 từ K1+380 đến K1+750 trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Công ty đang quản lý, các vị trí cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Số cột	Địa điểm
1	Cột điện đơn số 11, 12, 14, 15, 17 thuộc lộ 375E1.32	05	Cách đỉnh mái ngoài bờ hữu kênh xây Đ4: 1,0m
2	Cột điện đôi số 10, 13, 16, 18 thuộc lộ 375E1.32	04	Cách đỉnh mái ngoài bờ hữu kênh xây Đ4: 1,0m

2. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ nhất trí với hướng tuyến, vị trí xây dựng các cột điện và đường dây thuộc công trình: Hạ điện áp đường dây trung thế 375E1.32 của Công ty Điện lực Thường Tín như bảng tổng hợp nêu trên. Do vị trí các cột điện và tuyến đường dây đều xây dựng hoàn toàn trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, để đảm bảo thuận lợi và an toàn trong quá trình khai thác, vận hành cũng như cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, Công ty có ý kiến với Công ty Điện lực Thường Tín một số nội dung sau:

- Trước khi triển khai thi công các hạng mục trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi làm thủ tục xin cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại các Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018, số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Khi Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ cải tạo mở rộng tuyến kênh hoặc có sự thay đổi về quy hoạch thủy lợi thì Công ty Điện lực Thường Tín phải có trách nhiệm tự di dời các cột điện và tuyến đường dây nêu trên khỏi vị trí công trình mà không được yêu cầu đền bù hoặc hỗ trợ.

- Trong quá trình triển khai thi công thường xuyên thu dọn đất, đá phế thải không để rơi vãi xuống lòng kênh; không làm ảnh hưởng đến tuyến kênh đã được cứng hóa; phối hợp chặt chẽ với Xí nghiệp Thủy lợi Hồng Vân thuộc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ để đảm bảo tiến độ dự án và công tác phục vụ sản xuất của công trình thủy lợi.

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ phúc đáp văn bản số 2869/PCTHUONGTIN-KT&AT ngày 10/10/2025 của Công ty Điện lực Thường Tín với các nội dung như trên./.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Chủ tịch Công ty (để b/c);
- TGD Công ty (để b/c);
- Các PTGD Công ty;
- Kiểm soát viên Công ty;
- Phòng QLN và công trình;
- XNTL Hồng Vân;
- Lưu: VT, KHKT



**Phạm Văn Dũng**